TAND HUYỆN ST
TỈNH QN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HSST
Ngày 08 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phước
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Đinh Huy Đôi;
2. Bà Bùi Thị Anh Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh QN;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh QN tham gia phiên tòa*:** Ông Đồng Việt Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh QN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST - HS ngày 25/02/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST - HS ngày 25/3/2019, đối với bị cáo:

Đinh Thị G, Sinh năm 1947, tại xã ST, huyện ST, tỉnh QN; nơi cư trú: Thôn BM, xã ST, huyện ST, tỉnh QN; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Kdong; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn N (Chết) và bà Đinh Thị L (Chết); có chồng tên: Đinh Văn T1 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; ngày 04/12/2018 có lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị G*: Bà Võ Thị H - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh QN, theo Quyết định số: 244/QĐ-TGPL ngày 13/12/2018 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh QN; địa chỉ: 108 PĐP, TP. QN, có mặt.

- *Người bị hại*: Ông Tô Hữu T, sinh năm 1971; trú tại: Thôn BM, xã ST, huyện ST, tỉnh QN, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ UBND xã ST, huyện ST, tỉnh QN; địa chỉ: xã ST, huyện ST, tỉnh QN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Ơ - Chủ tịch UBND xã ST, uỷ quyền cho ông Trần Thế N - Phó Chủ tịch, theo văn bản uỷ quyền ngày 22/3/2019, có mặt.

+ Ông Đinh Văn T1, sinh năm: 1945; Ông Đinh Văn T2, sinh năm: 1988; Bà Đinh Thị T3, sinh năm: 1980; Ông Đinh Văn B, sinh năm: 1975; Ông Đinh Văn H, sinh năm: 1993 và Bà Đinh Thị B1, sinh năm: 1984. Đều trú tại: Thôn BM, xã ST, huyện ST, tỉnh QN, có mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị D, sinh năm 1991; trú tại: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh QN, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2003, ông Tô Hữu T chiếm dụng diện tích đất khoảng 21.662m^2 trong thửa đất số: 372, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại đồi VR, thôn BM, xã ST, huyện ST, tỉnh QN để trồng keo, sau khi trồng keo được 02 mùa và thu hoạch xong. Ngày 22/9/2018, ông T thuê người trồng 9.000 cây Cau trên mảnh đất này, bà G cho rằng đây là phần diện tích đất trước đây bà đã khai hoang, canh tác Nhà nước thu hồi để trồng rừng phòng hộ theo Dự án 327 và 611 nhưng do đất cằn cỗi cây không sống nên bỏ hoang, nay thấy ông T trồng Cau, bà không đồng ý và đã yêu cầu UBND xã ST, huyện ST giải quyết, nhưng vì ông T vắng mặt, chưa giải quyết được. Khoảng 08 giờ ngày 30/9/2018, bà G nói chồng mình là Đinh Văn T1, cùng các con Đinh Văn T2, Đinh Thị B1 và thuê một số người dân ở cùng thôn: Đinh Thị T3, Đinh Văn B, Đinh Văn H đến nơi ông T trồng Cau nói trên, nhổ một số cây Cau gom lại thành từng đống. Khoảng 12 giờ cùng ngày, trong lúc mọi người nghỉ ngơi, bà G đã dùng máy lửa gas của mình đốt cháy toàn bộ số cây Cau này và lửa cháy lan sang một số cây Cau khác trên toàn diện tích đất này.

Sau khi phát hiện Cau bị cháy, ông T làm đơn báo tài sản mình bị hủy hoại, Cơ quan CSĐT Công an huyện ST đã tiến hành điều tra, xác định số cây Cau bị thiệt hại là 2.629 cây Cau, đồng thời thu giữ vật chứng là 01 máy lửa gas, màu đỏ có in chữ số 555 và bị cáo G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 33/HĐĐG ngày 14/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Tây, tỉnh QN kết luận: 2.629 cây Cau tại thời điểm bị hủy hoại có giá trị là 44.693.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bào chữa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Bản cáo trạng số: 127/CT - VKS ngày 25/2/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh QN truy tố bị cáo Đinh Thị G về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Đinh Thị G về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự, đề nghị HĐXX căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; áp dụng: Khoản 1 Điều 178; điểm i, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo G với mức án 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Hủy hoại tài sản". Về xử lý vật chứng:Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 máy lửa gas bằng nhựa, màu đỏ có in chữ số 555.

Tại phiên tòa trợ giúp viên pháp lý bà Võ Thị H bào chữa cho bị cáo G có quan điểm: Thống nhất như bản cáo trạng. Bị cáo G là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ngoài 70 tuổi, bị cáo và chồng đều có công cách mạng hiện đang

hưởng chế độ bệnh binh là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng điểm i, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt cho bị cáo G ở mức án thấp nhất là 06 (Sáu) tháng tù treo về tội "Hủy hoại tài sản" và đề nghị xem xét miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo G thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan, sai và không có ý kiến tranh luận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo G là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ST, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xuất phát vì muốn có đất để canh tác làm ăn, thấy ông T trồng Cau trên thửa đất số 372, là diện tích đất trước đây bị cáo khai hoang, sản xuất, Nhà nước thu hồi để trồng rừng theo Dự án 327, 611 nay ông T sử dụng, bị cáo búc xúc nên thuê người nhổ Cau và dùng máy lửa gas đốt cháy toàn bộ số Cau của ông T vào ngày 30/9/2018, tổng thiệt hại giá trị tài sản theo Hội đồng định giá là 44.693.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng). Lời khai nhận tội của bị cáo nêu trên là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản". Hội đồng xét xử kết luận bị cáo G phạm tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh QN truy tố bị cáo G về tội danh "Hủy hoại tài sản" cũng như điều khoản áp dụng và lời luận tội của kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo G là người nhận thức điều khiển được hành vi của chính mình, biết ông T trồng Cau trên diện tích đất mình khai hoang trước đây, không kìm chế sự búc xúc, không chờ đợi UBND xã ST giải quyết mà có hành vi nhổ và đốt cháy Cau của người khác là hành vi trái pháp luật nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của ông Tô Hữu T được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hội đồng xét xử cần phải xử lý tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Song xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng: Không. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thời điểm phạm tội

bị cáo đã trên 70 tuổi và cùng chồng mình đều là người có công với cách mạng, đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với bệnh binh. Xét bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được hưởng quy định tại điểm i, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và vận dụng Điều 65 của BLHS, phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ có tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[5] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo G: Thống nhất như bản cáo trạng về áp dụng điều luật và các tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đề nghị. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, chấp nhận.

[6] Đối với ông T1 (Chồng của bị cáo) và các con của bị cáo anh T2, chị B1 đã có hành vi tham gia nhổ cây Cau. Tuy nhiên, chỉ làm theo lời bà G và nghĩ đây là đất của gia đình đã khai hoang nên nhổ Cau để mang trả lại cho ông T trồng chỗ khác, họ nghĩ giữa bà G với ông T đã thỏa thuận và họ đều không biết việc bà G dùng máy lửa gas đốt cháy toàn bộ số Cau này. Đối với các đối tượng khác: T3, H và B là những người được bị cáo G thuê đi nhổ cây Cau, họ đều không biết cây Cau này của ông T, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý với tất cả những người trên là có cơ sở.

[7] Đối với diện tích 21.662m^2 đất, thuộc thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07, UBND xã ST, huyện ST quản lý và tại lời khai của ông T xin được tự làm việc với UBND xã để tự giải quyết, Cơ quan CSĐT Công an huyện ST không đề cập là có cơ sở. Tuy nhiên cũng cần chấn chỉnh kịp thời đối với UBND xã ST được Nhà nước giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, bảo vệ thửa đất này để trồng rừng phòng hộ nhưng chưa thực hiện tốt công tác, chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời để ông T lấn chiếm đất, sử dụng trồng Cau dẫn đến bị cáo G búc xúc thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị UBND xã ST cần phải nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ; tổ chức kiểm điểm nghiêm túc, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền trong nhân dân và thường xuyên kiểm tra, tránh việc người dân lấn chiếm sử dụng đất của Nhà nước tùy tiện và tại phiên tòa HĐXX cảnh cáo ông Tô Hữu T trong việc sử dụng đất nói trên chưa được sự cho phép của chính quyền địa phương xã ST.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Tô Hữu T không yêu cầu bị cáo G bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 máy lửa gas bằng nhựa, màu đỏ có in chữ số 555 bị cáo G sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; Cơ quan CSĐT Công an huyện ST đã thu và chuyển giao nhập kho vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ST. Hội Đồng xét xử xét thấy vật chứng này không có giá trị nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo G là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên áp dụng Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Thị G phạm tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thị G 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án (Ngày 08/4/2019).

Giao bị cáo Đinh Thị G cho UBND xã ST, huyện ST, tỉnh QN nơi bị cáo Đinh Thị G cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đinh Thị G có trách nhiệm phối hợp với UBND xã ST, huyện ST, tỉnh QN trong việc giám sát và giáo dục bị cáo Đinh Thị G. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy 01 máy lửa gas bằng nhựa, màu đỏ có in chữ số 555.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo G được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Phước

Nơi nhận:
- *Bị cáo.*
- *VKSND huyện ST 2,*
- *Công an huyện ST 3,*
- *TAND tỉnh QN,*
- *VKSND tỉnh QN,*
- *Sở Tư pháp tỉnh QN,*
- *Những người tham gia tố tụng,*
- *Chi cục THA DS huyện ST,*
- *UBND xã ST,*
- *Lưu hồ sơ + THAH.*